



NĂNG LỰC NGƯỜI TỐT NGHIỆP

CHƯƠNG TRÌNH: 1. THAM VẤN VÀ TRỊ LIỆU TÂM LÝ (COUNSELING AND PSYCHOTHERAPY)

2. THAM VÂN TÂM LÝ VÀ QUẢN TRỊ NHÂN SỰ (PSYCHOLOGICAL COUNSELING AND PERSONNEL MANAGEMENT)

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Sinh viên sau khi tốt nghiệp là những người có đầy đủ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của ngành tâm lý học trong xu hướng hội nhập và phát triển; có đạo đức, nhân cách và kỹ năng sống, học tập theo phương châm “Thành nhân trước khi thành danh” của Đại học Văn Hiến.

Sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực cơ bản, chuyên sâu về tâm lý người; những kỹ năng thực hành tâm lý phục vụ cho việc ứng dụng tâm lý học vào tham vấn, trị liệu, công tác quản trị nhân sự và giảng dạy.

Cử nhân tâm lý học có thể làm việc trong bệnh viện tâm thần, bệnh viện nhi đồng, bệnh viện đa khoa; làm việc tại trường phổ thông; làm việc ở các trung tâm trợ giúp và phát triển tâm lý; làm việc trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác; thực hiện giảng dạy tại các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.

Trên cơ sở những kiến thức tâm lý học, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu bậc sau đại học tâm lý học và các chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực khoa học xã hội.

NĂNG LỰC CHUNG (GENERAL COMPETENCE - GC)

- GC1: Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng – an ninh của nhà nước Việt Nam.
- GC2: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin trình độ B và khả năng sử dụng tiếng Anh tương đương B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu - CEFR.
- GC3: Năng lực hiểu biết cơ bản về khoa học tự nhiên như thống kê ứng dụng, các vấn đề về môi trường và phát triển bền vững.
- GC4: Năng lực hiểu biết về các quy luật kinh tế, các kiến thức về quản trị và kỹ thuật marketing cơ bản, đồng thời khơi dậy tinh thần khởi nghiệp.
- GC5: Năng lực hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế - văn hóa - xã hội với các quốc gia ASEAN, nhận biết các vấn đề xã hội đương đại, đa văn hóa và tôn giáo.
- GC6: Các năng lực và tố chất cá nhân chung để học tập tốt ở bậc đại học và hỗ trợ cho quá trình phát triển cá nhân cũng như hội nhập nhanh với thế giới việc làm sau khi tốt nghiệp.

NĂNG LỰC VỀ KỸ THUẬT (COMPETENCE FOR TECHNOWARE - CT)

Là năng lực về nhận thức và ứng dụng các kiến thức tâm lý vào trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp.

- CT1. Năng lực hiểu biết về cơ sở sinh học và cơ sở xã hội của tâm lý người: Có kiến thức hiểu biết về cơ sở sinh học của nguồn gốc hình thành và phát triển tâm lý người. Có kiến thức về cơ sở xã hội của nguồn gốc hình thành và phát triển tâm lý người.
- CT2. Năng lực hiểu biết về bản chất và quy luật của các hiện tượng tâm lý cá nhân và xã hội; đánh giá sự phát triển tâm lý, nhân cách con người: Có kiến thức về bản chất và quy luật của các hiện tượng tâm lý cá nhân, xã hội và đánh giá được sự phát triển tâm lý, nhân cách con người.

- CT3. Năng lực sử dụng các phương pháp nghiên cứu tâm lý: Có kiến thức và hiểu biết về các phương pháp nghiên cứu tâm lý học và vận dụng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu vào trong nghiên cứu và đánh giá tâm lý.
- CT4. Năng lực hiểu biết các vấn đề tâm lý học xã hội: Sinh viên được trang bị những kiến thức và hiểu biết về các hiện tượng, quy luật tâm lý xã hội, đồng thời vận dụng những kiến thức và hiểu biết giải thích được các hiện tượng và quy luật tâm lý xã hội, có thể áp dụng kiến thức trong lĩnh vực tâm lý xã hội, tâm lý học quản trị nhân sự, trị liệu tâm lý (tâm lý học lâm sàng), tâm lý học tham vấn.
- CT5. Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức tham vấn tâm lý: Sinh viên được trang bị kiến thức về lĩnh vực tâm lý học tham vấn, vận dụng được những kiến thức để giải quyết những vấn đề tâm lý cá nhân và nhóm. Có thể áp dụng kiến thức và kỹ năng tham vấn tâm lý cho cá nhân và nhóm trong hoạt động nghề nghiệp tại nhà trường, doanh nghiệp, bệnh viện, các trung tâm hỗ trợ và phát triển tâm lý.
- CT6. Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về trị liệu tâm lý trong hoạt động nghề nghiệp: Sinh viên có kiến thức và hiểu biết về lĩnh vực tâm lý học lâm sàng. Vận dụng các kiến thức tâm lý học lâm sàng để lý giải, chẩn đoán, đánh giá các rối nhiễu tâm lý.
- CT7. Năng lực hiểu biết và vận dụng kiến thức tâm lý học quản trị nhân sự trong hoạt động quản lý, kinh doanh, tổ chức nhân sự tại doanh nghiệp: Sinh viên được trang bị những kiến thức và hiểu biết về lĩnh vực tâm lý học quản trị nhân sự. Vận dụng được kiến thức vào công tác quản trị nhân sự: tuyển dụng nhân sự; phân công, điều động nhân sự; đề xuất các biện pháp bồi dưỡng chuyên nghiệp và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động tại các doanh nghiệp và các cơ sở kinh tế khác

NĂNG LỰC VỀ CON NGƯỜI (COMPETENCE FOR HUMANWARE - CH):

Là năng lực về phần con người khi tham gia hành nghề: tính kỷ luật, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tác phong làm việc, giao tiếp và làm việc nhóm trong nghề nghiệp tâm lý học.

- CH1. Năng lực phẩm chất đạo đức cá nhân: Hình thành, phát triển những phẩm chất đạo đức về cá nhân cho sinh viên.
- CH2. Năng lực phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, xã hội: Có phẩm chất đạo đức của một nhà tham vấn & trị liệu tâm lý và tham vấn tâm lý & quản trị nhân sự trong mối quan hệ với thân chủ, đồng nghiệp, người lao động, lãnh đạo trong hoạt động nghề nghiệp
- CH3. Năng lực làm việc nhóm: Được trang bị những kiến thức làm việc nhóm, vận dụng các kiến thức làm việc nhóm trong hoạt động nghề nghiệp.

NĂNG LỰC VỀ THÔNG TIN (COMPETENCE FOR INFORWARE - CI):

Là năng lực học tập, khả năng giao tiếp (truyền thông), năng lực sử dụng tin học và ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp tham vấn tâm lí, trị liệu tâm lí và quản trị nhân sự. Chương trình đào tạo ngành tâm lí học nhằm hình thành ở sinh viên các năng lực về mặt thông tin như sau:

- CI1. Năng lực sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành: Sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) với các chủ đề thông thường và sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh để đọc tài liệu chuyên ngành.
- CI2. Năng lực sử dụng tin học: Có khả năng sử dụng tin học trong công việc và sử dụng phần mềm tin học thông dụng phục vụ trong nghiên cứu và xử lý các thông tin nghiên cứu tâm lý học.
- CI3. Năng lực giao tiếp: Được trang bị những kiến thức về giao tiếp và vận dụng các kiến thức đó trong hoạt động nghề nghiệp như tham vấn tâm lí, trị liệu tâm lí và quản trị nhân sự.

- CI4. Năng lực tự học: Sinh viên có năng lực chủ động, tích cực, tư duy, sáng tạo trong học tập, tự nghiên cứu. Có khả năng lập kế hoạch và chủ động thực hiện kế hoạch học tập đã đề ra.

NĂNG LỰC VỀ TỔ CHỨC (COMPETENCE FOR ORGAWARE - CO):

Là năng lực hiểu biết cơ cấu tổ chức, mối liên hệ, sự phối hợp giữa các cá nhân bên trong tổ chức và giữa các tổ chức trong và ngoài ngành tham vấn tâm lí, trị liệu tâm lí và quản trị nhân sự và liên ngành. Là khả năng tư duy, xây dựng mục tiêu, kế hoạch, khả năng đưa ra quyết định, thúc đẩy và kiểm soát các hoạt động. Chương trình đào tạo ngành tâm lí học nhằm hình thành ở sinh viên các năng lực về mặt tổ chức như sau:

- CO1. Năng lực đề xuất xây dựng mô hình tham vấn và trị liệu tâm lý tại cơ sở: Sinh viên có khả năng đề xuất xây dựng hoặc cải tiến mô hình tham vấn và trị liệu tâm lý phù hợp với tình hình thực tế tại cơ sở.
- CO2. Lập kế hoạch và triển khai các hoạt động của mô hình tham vấn và trị liệu tâm lý tại cơ sở: Sinh viên có khả năng lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động của các mô hình tham vấn và trị liệu tâm lý.
- CO3. Lập kế hoạch và triển khai hoạt động quản trị nhân sự được giao tại cơ sở: Sinh viên có khả năng lập kế hoạch và triển khai các công việc liên quan đến công tác quản lí nhân sự tại cơ sở.